(12) **BẢN MÔ TẢ SÁNG CHẾ THUỘC BẰNG ĐỘC QUYỀN SÁNG CHẾ**

(19) **Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (VN)**
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

(11) **1-0022405**

(51)[7] **B65D 83/08**, A47K 7/00

(13) **B**

(21) 1-2015-01357
(22) 25.09.2013
(86) PCT/JP2013/005684 25.09.2013
(87) WO2014/050096 03.04.2014
(30) 2012-211558 25.09.2012 JP
(45) 25.12.2019 381
(43) 26.10.2015 331
(73) UNICHARM CORPORATION (JP)
182, Shimobun, Kinsei-cho, Shikokuchuo-shi, Ehime 799-0111, Japan
(72) WADA, Kiyoshi (JP), IWASAKI, Terutaka (JP), BANDO, Takeshi (JP), UEDA, Takahiro (JP)
(74) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(54) VẬT CHỨA LƯU GIỮ

(57) Sáng chế đề cập đến vật chứa lưu giữ mà cho phép người sử dụng dễ dàng lấy ra các tấm từ lỗ phân phối khi số lượng các tấm là nhỏ. Vật chứa lưu giữ (1) bao gồm: thân vật chứa (2) bao gồm tấm đỉnh (3) mà lỗ phân phối (4) để lấy ra các tấm được tạo ra, và lỗ được tạo thành đối diện với tấm đỉnh; và nắp phía dưới (6) được tạo thành từ nhựa được đúc nguyên khối, được lắp theo kiểu có thể tháo được vào thân vật chứa và đóng phần lỗ. Nắp phía dưới bao gồm phần tấm phẳng (55); và phần mở rộng/thu hẹp (58) có thể biến dạng từ trạng thái thứ nhất mà nó nhô ra từ phần tấm phẳng lên độ cao thứ nhất về phía trong của thân vật chứa, đến trạng thái thứ hai mà nó nhô ra từ phần tấm phẳng lên đến độ cao thứ hai cao hơn độ cao thứ nhất về phía trong của thân vật chứa.

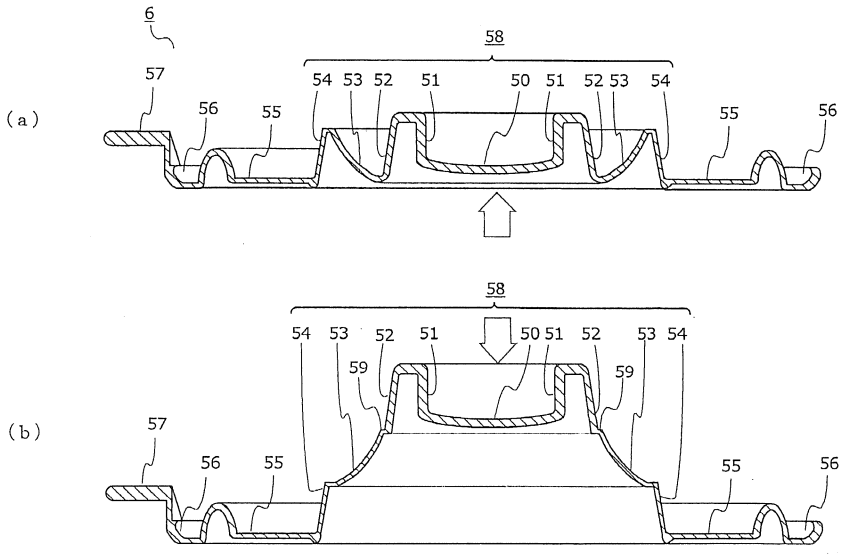

Lĩnh vực kỹ thuật được đề cập

Sáng chế đề cập đến vật chứa lưu giữ để chứa các tấm như khăn giấy ướt.

Tình trạng kỹ thuật của sáng chế

Vật chứa lưu giữ để chứa khăn giấy ướt kín, vật chứa được tạo thành từ nhựa được sử dụng rộng rãi, và có lỗ phân phối để lấy các tấm ra, và có nắp phía trên có thể đóng/mở. Khi sử dụng khăn giấy ướt, nắp phía trên được mở để lộ lỗ phân phối, và một số khăn giấy ướt được kéo ra từng cái một từ lỗ phân phối. Sau khi khăn giấy ướt được lấy ra, nắp phía trên được đóng để đóng kín lỗ phân phối lại, do đó ngăn làm khô khăn giấy ướt còn lại.

Danh sách tài liệu trích dẫn

Tài liệu sáng chế 1: Công bố đơn yêu cầu cấp Patent Nhật Bản số 11-79214

Tài liệu sáng chế 2: Công bố đơn yêu cầu cấp Patent Nhật Bản số 11-180460

Bản chất kỹ thuật của sáng chế

Vấn đề được giải quyết theo sáng chế

Khi số lượng khăn giấy ướt còn lại bên trong vật chứa lưu giữ trở nên ít đi do khăn giấy ướt được sử dụng, người sử dụng cần chèn các ngón tay vào sâu vật chứa từ lỗ phân phối để lấy ra khăn giấy ướt, gây ra vấn đề về khả năng sử dụng kém.

Do đó, mục đích của sáng chế là đề xuất vật chứa lưu giữ mà, ngay cả khi số lượng các tấm được chứa trong đó là nhỏ, cho phép người sử dụng dễ dàng lấy ra các tấm.

Giải pháp cho các vấn đề

Vật chứa lưu giữ theo sáng chế bao gồm: thân vật chứa bao gồm tấm đỉnh mà tại đó lỗ phân phối để lấy ra các tấm được tạo ra, và một lỗ được tạo thành ở vị trí đối

diện với tấm đỉnh và nắp phía dưới được tạo thành từ nhựa được đúc nguyên khối, được lắp theo kiểu có thể tháo được vào thân vật chứa, và đóng lỗ của thân vật chứa. Nắp phía dưới bao gồm: phần tấm phẳng; và phần mở rộng/thu hẹp mà có thể biến dạng từ trạng thái thứ nhất mà phần mở rộng/thu hẹp nhô ra từ phần tấm phẳng lên độ cao thứ nhất hướng vào phía trong của thân vật chứa, đến trạng thái thứ hai mà phần mở rộng/thu hẹp nhô ra từ phần tấm phẳng lên độ cao thứ hai cao hơn độ cao thứ nhất, hướng vào phía trong của thân vật chứa. Phần mở rộng/thu hẹp bao gồm: phần bề mặt đáy; phần thành chu vi thứ nhất mà dựng lên từ ngoại vi bên ngoài của phần bề mặt đáy về phía trong của thân vật chứa; phần thành chu vi thứ hai mà bao quanh phần thành chu vi thứ nhất, và được nối với phần ngoại vi của phần thành chu vi thứ nhất ở phía trong của thân vật chứa; phần thành chu vi thứ ba mà, ở trạng thái thứ nhất, bao quanh phần thành chu vi thứ hai, và được nối với phần ngoại vi của phần thành chu vi thứ hai ở phía ngoài của thân vật chứa; và phần thành chu vi thứ tư mà, ở trạng thái thứ nhất, bao quanh phần thành chu vi thứ ba, và được nối với phần ngoại vi của phần thành chu vi thứ ba ở phía trong của thân vật chứa và phần tấm phẳng. Phần mở rộng/thu hẹp được biến dạng đến trạng thái thứ hai bằng cách đảo ngược phần thành chu vi thứ ba với phần nối giữa phần thành chu vi thứ ba và phần thành chu vi thứ tư tại điểm tựa, theo lực ép, về phía trong của thân vật chứa, được tác dụng lên phần bề mặt đáy. Ở trạng thái thứ hai, phần nối giữa phần thành chu vi thứ hai và phần thành chu vi thứ ba tạo thành bề mặt phẳng hình khuyên mà về cơ bản song song với phần tấm phẳng.

Mô tả vắn tắt các hình vẽ

Fig.1 là hình chiếu bằng của vật chứa lưu giữ theo phương án sáng chế.

Fig.2 là hình chiếu từ phía trước của vật chứa lưu giữ theo phương án này.

Fig.3 là hình chiếu mặt cắt ngang lấy dọc theo đường III-III được thể hiện trên Fig.2.

Fig.4 là hình chiếu bằng của nắp phía dưới được thể hiện trên Fig.1.

Fig.5 là mặt cặt ngang dọc theo đường V-V được thể hiện trên Fig.4.

Fig.6 là hình chiếu mặt cắt ngang thể hiện trạng thái nơi vật chứa lưu giữ theo phương án sáng chế được sử dụng.

Mô tả chi tiết sáng chế

Phương án tốt nhất để thực hiện sáng chế

Thứ nhất, kết cấu cơ bản của vật chứa lưu giữ theo phương án sáng chế sẽ được mô tả.

Fig.1 là hình chiếu bằng của vật chứa lưu giữ theo phương án sáng chế. Fig.2 là hình chiếu từ phía trước của vật chứa lưu giữ theo phương án này. Fig.3 là hình chiếu mặt cắt ngang dọc theo đường III-III được thể hiện trên Fig.2.

Vật chứa lưu giữ 1 bao gồm thân vật chứa 2, nắp phía trên 5, tấm cao su 9, kết cấu nút đẩy 7, và nắp phía dưới 6. Vật chứa lưu giữ 1 chứa kín các tấm được xếp thành chồng. Các tấm là, ví dụ, các tấm ướt như khăn giấy ướt, các tấm làm sạch, khăn tay trẻ em và các tấm tương tự. Tuy nhiên, các tấm không nhất thiết phải ướt, và có thể là các tấm khô như giấy lụa. Như được thể hiện bởi đường gạch chéo dài và hai đường đứt đoạn ngắn trên Fig.3, các tấm có thể được lưu giữ bằng gói 8. Nghĩa là, các tấm có thể được gói trong túi, ở bề mặt phía trên của nó, lỗ để lấy ra các tấm. Ngoài ra, các tấm có thể được lưu giữ trực tiếp mà không cần gói trong túi hoặc các loại tương tự.

Thân vật chứa 2 là bộ phận có dạng hộp rỗng để chứa gói của các tấm, và là nhựa được đúc nguyên khối. Thân vật chứa 2 bao gồm tấm đỉnh 3, và thành ngoại vi

10 được nối vào ngoại vi bên ngoài của tấm đỉnh 3. Tấm đỉnh 3 bao gồm lỗ phân phối 4 để lấy ra các tấm. lỗ phân phối 4 có dạng lỗ hoặc khe hở với hình dạng bất kì, và hình dạng và kích cỡ của nó có thể được lựa chọn tùy ý, xem xét kỹ việc dễ dàng lấy ra các tấm, và hiệu quả bịt kín. Phần của tấm thân vật chứa 2, mà đối diện với tấm đỉnh 3, cụ thể là, phần đáy của thân vật chứa 2, được mở.

Nắp phía trên 5 là bộ phận được lắp vào thân vật chứa 2 để có thể mở được và đóng được, và ở trạng thái đóng, đóng lỗ phân phối 4 được tạo ở tấm đỉnh 3 của thân vật chứa 2. Nắp phía trên 5 là nhựa được đúc nguyên khối. Nắp phía trên 5 bao gồm bộ phận lắp 39 có thể xoay quanh trục xoay được định trước, và được lắp vào thân vật chứa 2 thông qua bộ phận lắp 39.

Tấm cao su 9 là bộ phận để đôn nắp phía trên 5 theo hướng mở. Như được thể hiện trên Fig.3, đầu 63a của tấm cao su 9 được lắp vào nắp phía trên 5 trong khi đầu 63b của tấm cao su 9 được đặt vào hốc 61 được tạo ra trong tấm đỉnh 3 của thân vật chứa 2. Cụ thể hơn, khi nắp phía trên 5 ở trạng thái đóng, tấm cao su 9 được cong theo dạng chữ U, và bề mặt bên ngoài của đầu 63b của tấm cao su 9 tiếp xúc với bề mặt đáy 62 của hốc 61. Vì lực đẩy được gây ra bởi tấm cao su 9 bị biến dạng đàn hồi theo dạng chữ U khi nắp phía trên 5 ở trạng thái đóng, nắp phía trên 5 có thể được đôn theo hướng mở. Chất liệu của tấm cao su 9 không bị giới hạn cụ thể miễn là nó có thể biến dạng đàn hồi. Ví dụ, cao su silicon có thể được sử dụng. Thay vì tấm cao su 9, tấm lò xo được làm từ kim loại hoặc nhựa có thể được sử dụng.

Như được thể hiện trên Fig.1, kết cấu nút đẩy 7 được tạo ra dọc theo ngoại vi bên ngoài của nắp phía trên 5, ở vị trí đối diện với bộ phận lắp 39 của nắp phía trên 5. Kết cấu nút đẩy 7 gồm có bộ phận nút đẩy 11, và bộ phận khóa 12 khớp bộ phận nút đẩy 11. Khi gài vào nắp phía trên 5, kết cấu nút đẩy 7 duy trì nắp phía trên 5 ở trạng

thái đóng. Ngoài ra, khi nhận lực ép từ ngón tay của người sử dụng cố gắng mở nắp phía trên 5, kết cấu nút đẩy 7 hủy trạng thái gài vào nắp phía trên 5.

Nắp phía dưới 6 là bộ phận được lắp theo kiểu có thể tháo được vào phần đáy của thân vật chứa 2, và đóng lỗ đối diện với tấm đỉnh 3. Nắp phía dưới 6 là nhựa được đúc nguyên khối. Như được thể hiện trên Fig.3, nắp phía dưới 6 bao gồm phần mở rộng/thu hẹp 58 có mặt cắt ngang dạng ống bễ. Độ cao của phần mở rộng/thu hẹp 58 thay đổi khi nhận lực ép.

Dưới đây, nắp phía dưới sẽ được mô tả chi tiết theo tham chiếu từ Fig.1 đến Fig.6.

Fig.4 là hình chiếu bằng của nắp phía dưới được thể hiện trên Fig.1. Fig.5 là hình chiếu mặt cắt ngang dọc theo đường V-V được thể hiện trên Fig.4. Fig.5(a) thể hiện trạng thái thứ nhất của phần mở rộng/thu hẹp, và Fig.5(b) thể hiện trạng thái thứ hai của phần mở rộng/thu hẹp .

Nắp phía dưới 6 bao gồm phần tấm phẳng 55, phần mở rộng/thu hẹp 58, phần khớp 56, và tay cầm 57. Nắp phía dưới 6 được đúc nguyên khối từ nhựa mềm mà có thể bị biến dạng bởi lực ép được tác dụng bằng tay. Với chất liệu của nắp phía dưới 6, polyetylen tỉ trọng thấp có thể được sử dụng, ví dụ. Vì không có khe hở cũng như lỗ được tạo ra ở nắp phía dưới 6, lỗ của thân vật chứa 2 có thể được đóng kín. Do đó, khi các tấm ướt như khăn giấy ướt được chứa trong thân vật chứa 2, sự làm khô hoặc các kiểu tương tự của các tấm có thể được ngăn bằng cách đóng nắp phía trên 5.

Phần tấm phẳng 55 là phần phẳng được tạo ra xung quanh phần mở rộng/thu hẹp 58.

Phần mở rộng/thu hẹp 58 được tạo ra hầu hết ở phần giữa của phần tấm phẳng 55. Phần mở rộng/thu hẹp 58 được tạo kết cấu để có thể biến dạng từ trạng thái thứ

nhất nơi nó nhô lên độ cao thứ nhất về phía trong của thân vật chứa 2, đến trạng thái thứ hai nơi nó nhô ra lên độ cao thứ hai cao hơn độ cao thứ nhất, từ phần tấm phẳng 55 về phía trong của thân vật chứa 2. Cụ thể hơn, phần mở rộng/thu hẹp 58 gồm có phần bề mặt đáy gần như hình tròn 50, phần thành chu vi thứ nhất 51, phần thành chu vi thứ hai 52, phần thành chu vi thứ ba 53, và phần thành chu vi thứ tư 54.

Phần bề mặt đáy 50 có dạng cong nhô ra phía ngoài của thân vật chứa 2 (hướng xuống trên Fig.5). Phần bề mặt đáy 50 là phần được ép bằng ngón tay hoặc các loại tương tự khi phần mở rộng/thu hẹp 58 bị biến dạng từ trạng thái thứ nhất đến trạng thái thứ hai.

Phần thành chu vi thứ nhất 51 được tạo thành để nối vào ngoại vi bên ngoài của phần bề mặt đáy 50 và dựng lên về phía trong của thân vật chứa 2.

Phần thành chu vi thứ hai 52 được tạo thành để bao quanh phần thành chu vi trong 51. Phần thành chu vi thứ hai 52 được nối vào phần ngoại vi của thành chu vi trong thứ nhất 51 về phía trong của thân vật chứa 2 thông qua phần uốn cong.

Phần thành chu vi thứ ba 53 được tạo thành để bao quanh phần thành chu vi thứ hai 52 ở trạng thái thứ nhất của phần mở rộng/thu hẹp 58. Phần thành chu vi thứ ba 53 được nối vào phần ngoại vi của phần thành chu vi thứ hai 52 về phía ngoài của thân vật chứa 2 thông qua phần uốn cong. Ngoài ra, phần thành chu vi thứ ba 53 có đường kính ngoài và đường kính trong giảm dần từ phía trong của thân vật chứa 2 về phía ngoài của nó, và có dạng cong mở rộng về phía ngoài của thân vật chứa 2.

Phần thành chu vi thứ tư 54 được tạo thành để bao quanh phần thành chu vi thứ ba 53 ở trạng thái thứ nhất của phần mở rộng/thu hẹp 58. Phần thành chu vi thứ tư 54 được nối vào phần ngoại vi của phần thành chu vi thứ ba 53 về phía trong của thân vật chứa 2, và được nối vào phần tấm phẳng 55.

Phần khớp 56 được tạo thành để bao quanh chu vi của phần tấm phẳng 55. Như được thể hiện trên Fig.5, phần khớp 56 có mặt cắt ngang gần như dạng chữ C sao cho ngoại vi của phần đáy của thân vật chứa 2 có thể được khớp trong đó. Bằng cách khớp ngoại vi của phần đáy của thân vật chứa 2 với phần khớp 56, nắp phía dưới 6 có thể được lắp theo kiểu có thể tháo được vào thân vật chứa 2.

Tay cầm 57 được tạo thành để nhô ra phía ngoài từ một phần của phần khớp 56. Tay cầm 57 cho phép người sử dụng dễ dàng cầm nắp phía dưới 6 khi người sử dụng tháo nắp phía dưới 6 để làm đầy lại thân vật chứa 2 với các tấm.

Bây giờ, phần mô tả đưa ra phương pháp biến dạng phần mở rộng/thu hẹp 58 được tạo kết cấu như mô tả ở trên, giữa trạng thái thứ nhất và trạng thái thứ hai. Sự biến dạng của phần mở rộng/thu hẹp 58 từ trạng thái thứ nhất đến trạng thái thứ hai có thể được thực hiện theo một trong các trạng thái mà nắp phía dưới 6 được lắp vào thân vật chứa 2 hoặc trạng thái mà nắp phía dưới 6 được gỡ ra khỏi thân vật chứa 2. Sự biến dạng của phần mở rộng/thu hẹp 58 từ trạng thái thứ hai đến trạng thái thứ nhất được thực hiện theo trạng thái mà nắp phía dưới 6 được gỡ ra khỏi thân vật chứa 2.

Thứ nhất, khi phần mở rộng/thu hẹp 58 bị biến dạng từ trạng thái thứ nhất thể hiện trên Fig.5(a) đến trạng thái thứ hai được thể hiện trên Fig.5(b), người sử dụng tác dụng, bằng ngón tay hoặc các loại tương tự, lực ép theo hướng mũi tên được thể hiện trên Fig.5(a) tới bề mặt bên ngoài của phần bề mặt đáy 50 nằm trên phần giữa của phần mở rộng/thu hẹp 58, trong khi giữ chu vi của nắp phía dưới 6 hoặc thân vật chứa 2. Lực ép được tác dụng vào phần bề mặt đáy 50 đẩy lên phần bề mặt đáy 50, phần thành chu vi thứ nhất 51, phần thành chu vi thứ hai 52, và phần thành chu vi thứ ba 53 về phía trong của thân vật chứa 2. Do đó, như được thể hiện trên Fig.5(b), phần thành chu vi thứ ba 53 được đảo ngược ở phần nối giữa phần thành chu vi thứ hai 52 và

phần thành chu vi thứ ba 53 và phần nối giữa phần thành chu vi thứ ba 53 và phần thành chu vi thứ tư 54 tại các điểm tựa. Nói cách khác, phần nối giữa phần thành chu vi thứ hai 52 và phần thành chu vi thứ ba 53 được dựng lên về phía trong của thân vật chứa 2. Do đó, bằng cách đẩy lên phần bề mặt đáy 50 về phía trong của thân vật chứa 2, phần mở rộng/thu hẹp 58 được mở rộng và bị biến dạng đến trạng thái thứ hai nơi phần mở rộng/thu hẹp 58 nhô lên đến độ cao thứ hai, như được thể hiện trên Fig.5(b). Sau khi biến dạng, phần mở rộng/thu hẹp 58 không tự phục hồi về trạng thái thứ nhất nhưng được giữ ở trạng thái thứ hai.

Hình dạng bề mặt phía trên của phần uốn cong nối phần thành chu vi thứ hai 52 và phần thành chu vi thứ ba 53 được xác định sao cho phần nối giữa phần thành chu vi thứ hai 52 và phần thành chu vi thứ ba 53 tạo thành bề mặt phẳng hình khuyên 59 khi phần mở rộng/thu hẹp 58 bị biến dạng đến trạng thái thứ hai. Bởi vì, ở trạng thái thứ hai, phần nối giữa phần thành chu vi thứ hai 52 và phần thành chu vi thứ ba 53 tạo thành bề mặt phẳng hình khuyên 59, ngay cả khi sự mở rộng và thu hẹp của phần mở rộng/thu hẹp 58 được thực hiện lặp lại, sự xuất hiện của vết nứt trong phần này bị ngăn chặn. Để có hiệu quả ngăn chặn vết nứt đó, độ rộng của bề mặt phẳng hình khuyên 59 tạo thành trong trạng thái thứ hai tốt hơn là 1,0 mm hoặc lớn hơn.

Tiếp theo, khi phần mở rộng/thu hẹp 58 bị biến dạng từ trạng thái thứ hai được thể hiện trên Fig.5(b) đến trạng thái thứ nhất được thể hiện trên Fig.5(a), người sử dụng tác dụng, bằng tay hoặc các loại tương tự, lực ép theo hướng mũi tên được thể hiện trên Fig.5(b) đến phần nối giữa phần thành chu vi thứ nhất 51 và phần thành chu vi thứ hai 52, khi giữ bề mặt bên ngoài của nắp phía dưới 6. Lực ép tác dụng lên phần thành chu vi thứ nhất 51 và phần thành chu vi thứ hai 52 bị đẩy xuống phần bề mặt đáy 50, phần thành chu vi thứ nhất 51, phần thành chu vi thứ hai 52, và phần thành

chu vi thứ ba 53. Do đó, như được thể hiện trên Fig.5(a), phần thành chu vi thứ ba 53 bị đảo ngược một lần nữa ở phần nối giữa phần thành chu vi thứ hai 52 và phần thành chu vi thứ ba 53 và phần nối giữa phần thành chu vi thứ ba 53 và phần thành chu vi thứ tư 54 tại các điểm tựa. Do đó, bằng cách đẩy xuống phần nối giữa phần thành chu vi thứ nhất 51 và phần thành chu vi thứ hai 52, phần mở rộng/thu hẹp 58 bị thu hẹp lại và phục hồi về trạng thái thứ nhất nơi phần mở rộng/thu hẹp 58 nhô lên đến độ cao thứ nhất, như được thể hiện trên Fig.5(a). Hơn nữa, vì phần thành chu vi thứ ba 53 có dạng cong mở rộng đến phía ngoài của thân vật chứa 2, phần thành chu vi thứ ba 53 không gấp khúc trong trạng thái thứ nhất, dẫn đến bề ngoài đơn giản.

Để làm sự biến dạng của phần mở rộng/thu hẹp 58 dễ dàng, phần thành chu vi thứ ba 53 tốt hơn là được tạo thành mỏng hơn phần bề mặt đáy 50 và phần thành chu vi thứ nhất 51. Ví dụ, độ dày của phần bề mặt đáy 50 và phần thành chu vi thứ nhất 51 là 0,7 đến 1,0 mm, và độ dày của phần thành chu vi thứ ba 53 là 0,5 đến 0,8 mm. Độ dày của phần thành chu vi thứ hai 52 và phần thành chu vi thứ tư 54 không có giới hạn cụ thể miễn là các hình dạng của nó có thể được duy trì.

Fig.6 là hình chiếu mặt cắt ngang thể hiện trạng thái mà vật chứa lưu giữ theo phương án này được sử dụng. Fig.6 thể hiện mặt cắt ngang tương ứng với Fig.3.

Khi các tấm được chứa trong thân vật chứa 2 được sử dụng và số lượng còn lại của các tấm là nhỏ, người sử dụng cần chèn ngón tay sâu hơn vào thân vật chứa 2 để lấy tấm, mà làm cho các tấm khó lấy ra. Theo vật chứa lưu giữ của phương án này, đáy của vật chứa lưu giữ 1 có thể được nâng lên như được thể hiện trên Fig. 6 bằng cách mở rộng phần mở rộng/thu hẹp 58 được tạo ra ở nắp phía dưới 6 đến trạng thái thứ hai. Khi tất cả các tấm trong thân vật chứa 2 được sử dụng hết, người sử dụng có thể làm đầy vật chứa lưu giữ 1 với gói 8 mới chứa lượng lớn tấm, bằng cách làm phần

mở rộng/thu hẹp 58 thu hẹp về trạng thái thứ nhất.

Do đó, theo sáng chế, có thể thấy rằng vật chứa lưu giữ 1 có thể cho phép người sử dụng dễ dàng lấy ra các tấm ngay cả khi số lượng các tấm còn lại là nhỏ. Ngoài ra, vì không có khe hở cũng như lỗ được tạo thành trong nắp phía dưới 6, phần mở rộng/thu hẹp 58 có thể biến dạng giữa trạng thái thứ nhất và trạng thái thứ hai mà không làm giảm hiệu quả bịt kín của nắp phía dưới 6. Do đó, có thể giữ thân vật chứa 2 trong trạng thái được bịt kín, bất kể trạng thái biến dạng của phần mở rộng/thu hẹp 58.

Hơn nữa, vì bề mặt bên ngoài của phần bề mặt đáy 50 là bề mặt được làm cong nhô ra phía ngoài của thân vật chứa 2, người sử dụng có thể dễ dàng đẩy phần bề mặt đáy 50 để biến dạng phần mở rộng/thu hẹp 58, dẫn đến nâng cao khả năng sử dụng.

Ở nắp phía dưới 6 theo phương án này, giữa phần thành chu vi thứ nhất 51 và phần thành chu vi thứ hai 52, nhiều sọc nối các thành phần có thể tạo ra thêm. Trong trường hợp này, vì độ cứng của phần thành chu vi thứ nhất 51 và phần thành chu vi thứ hai 52 được tăng lên, sự biến dạng của phần thành chu vi thứ nhất 51 và phần thành chu vi thứ hai 52 có thể được ngăn chặn khi phần mở rộng/thu hẹp 58 được mở rộng hay thu hẹp.

Hơn nữa, theo phương án này, phần bề mặt đáy 50 cấu thành phần mở rộng/thu hẹp 58 có hình dạng gần như đường bao, và phần thành chu vi thứ nhất 51, phần thành chu vi thứ hai 52, phần thành chu vi thứ ba 53, và phần thành chu vi thứ tư 54 đồng tâm với phần bề mặt đáy 50. Tuy nhiên, hình dạng của phần bề mặt đáy 50 và các hình dạng của các phần thành chu vi trong bao quanh phần bề mặt đáy 50 có thể khác với các vòng tròn đồng tâm.

Hiệu quả đạt được của sáng chế

Theo sáng chế, vật chứa lưu giữ được tạo ra trong đó phần đáy của nó có thể được nâng lên bằng cách tăng độ cao của phần mở rộng/thu hẹp của tấm đáy, cho phép người sử dụng dễ dàng lấy ra các tấm từ lỗ phân phối ngay cả khi số lượng các tấm được lưu giữ là nhỏ.

Khả năng ứng dụng trong công nghiệp

Sáng chế có thể áp dụng cho vật chứa lưu giữ được làm từ nhựa mà các tấm được chứa kín, cụ thể là, các tấm ướt như khăn giấy ướt.

Mô tả các ký tự tham chiếu

1 vật chứa lưu trữ

2 thân vật chứa

3 tấm đỉnh

4 lỗ phân phối

5 nắp phía trên

6 nắp phía dưới

50 phần bề mặt đáy

51 phần thành chu vi thứ nhất

52 phần thành chu vi thứ hai

53 phần thành chu vi thứ ba

54 phần thành chu vi thứ tư

55 phần tấm phẳng

58 phần mở rộng/thu hẹp

59 bề mặt phẳng

YÊU CẦU BẢO HỘ

1. Vật chứa lưu giữ để chứa các tấm bao gồm:

thân vật chứa bao gồm tấm đỉnh mà tại đó lỗ phân phối để lấy ra các tấm được tạo ra, và lỗ được tạo thành ở vị trí đối diện với tấm đỉnh; và

nắp phía dưới được tạo thành từ nhựa được đúc nguyên khối, được lắp theo kiểu có thể tháo được vào thân vật chứa, và đóng lỗ của thân vật chứa, trong đó:

nắp phía dưới bao gồm:

phần tấm phẳng; và

phần mở rộng/thu hẹp mà có thể biến dạng từ trạng thái thứ nhất mà phần mở rộng/thu hẹp nhô ra từ phần tấm phẳng lên đến độ cao thứ nhất về phía trong của thân vật chứa, tới trạng thái thứ hai nơi phần mở rộng/thu hẹp nhô ra từ phần tấm phẳng lên đến độ cao thứ hai cao hơn độ cao thứ nhất, hướng vào phía trong của thân vật chứa, và

trong đó phần mở rộng/thu hẹp bao gồm:

phần bề mặt đáy;

phần thành chu vi thứ nhất mà dựng lên từ ngoại vi bên ngoài của phần bề mặt đáy về phía trong của thân vật chứa;

phần thành chu vi thứ hai mà bao quanh phần thành chu vi thứ nhất, và được nối với phần ngoại vi của phần thành chu vi thứ nhất ở phía trong của thân vật chứa;

phần thành chu vi thứ ba mà, ở trạng thái thứ nhất, bao quanh phần thành chu vi thứ hai, và được nối với phần ngoại vi của phần thành chu vi thứ hai ở phía ngoài của thân vật chứa; và

phần thành chu vi thứ tư mà, ở trạng thái thứ nhất, bao quanh phần thành chu vi thứ ba, và được nối với phần ngoại vi của phần thành chu vi thứ ba ở phía trong của

thân vật chứa và với phần tấm phẳng, trong đó:

phần mở rộng/thu hẹp được biến dạng đến trạng thái thứ hai bằng cách đảo ngược phần thành chu vi thứ ba với phần nối giữa phần thành chu vi thứ ba và phần thành chu vi thứ tư tại điểm tựa, theo lực ép, về phía trong của thân vật chứa, được tác dụng lên phần bề mặt đáy, và

ở trạng thái thứ hai, phần nối giữa phần thành chu vi thứ hai và phần thành chu vi thứ ba tạo thành bề mặt phẳng hình khuyên mà về cơ bản song song với phần tấm phẳng.

2. Vật chứa lưu giữ theo điểm 1, trong đó nắp phía dưới đóng kín lỗ của thân vật chứa.

3. Vật chứa lưu giữ theo điểm 1, trong đó:

ở trạng thái thứ nhất, phần thành chu vi thứ ba có đường kính trong ở trạng thái thứ nhất và đường kính ngoài ở trạng thái thứ nhất giảm dần từ phần nối giữa phần thành chu vi thứ ba và phần thành chu vi thứ tư về phía phần nối giữa phần thành chu vi thứ hai và phần thành chu vi thứ ba, và có dạng cong mở rộng về phía ngoài của thân vật chứa.

4. Vật chứa lưu giữ theo điểm 1, trong đó:

phần thành chu vi thứ ba có độ dày từ 0,5 đến 0,8mm.

5. Vật chứa lưu giữ theo điểm 1, trong đó:

bề mặt phẳng có độ rộng ngang bằng hoặc lớn hơn 1mm.

6. Vật chứa lưu giữ theo điểm 1, trong đó:

bề mặt của phần bề mặt đáy trên phía ngoài của thân vật chứa là bề mặt lồi.

7. Vật chứa lưu giữ theo điểm 1, vật chứa này còn bao gồm nhiều sọc nối phần thành chu vi thứ nhất với phần thành chu vi thứ hai.

FIG. 1

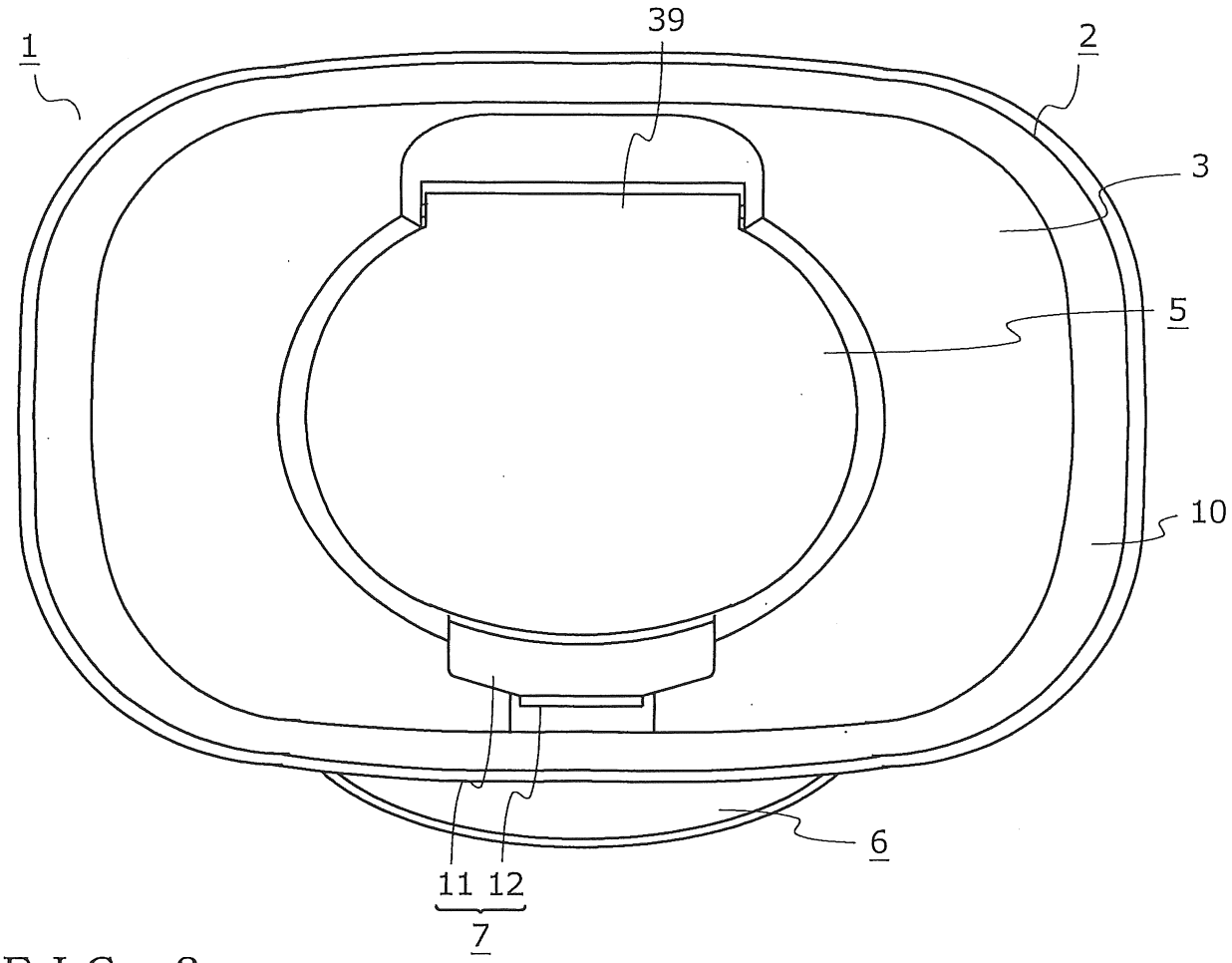

FIG. 2

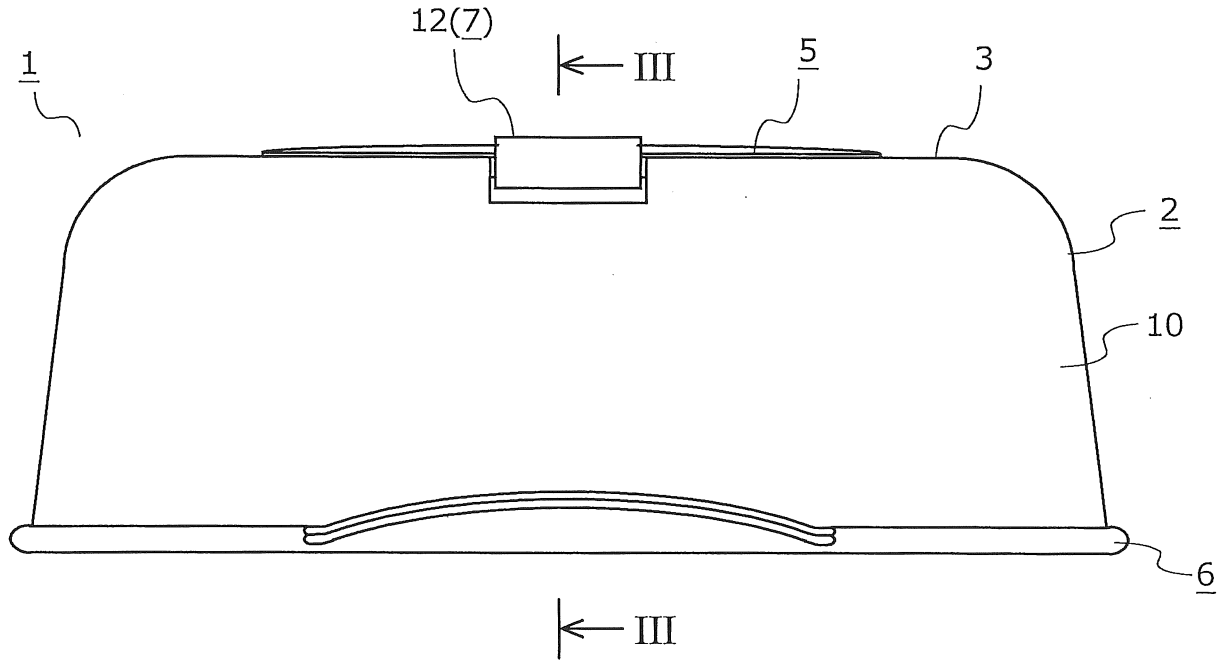

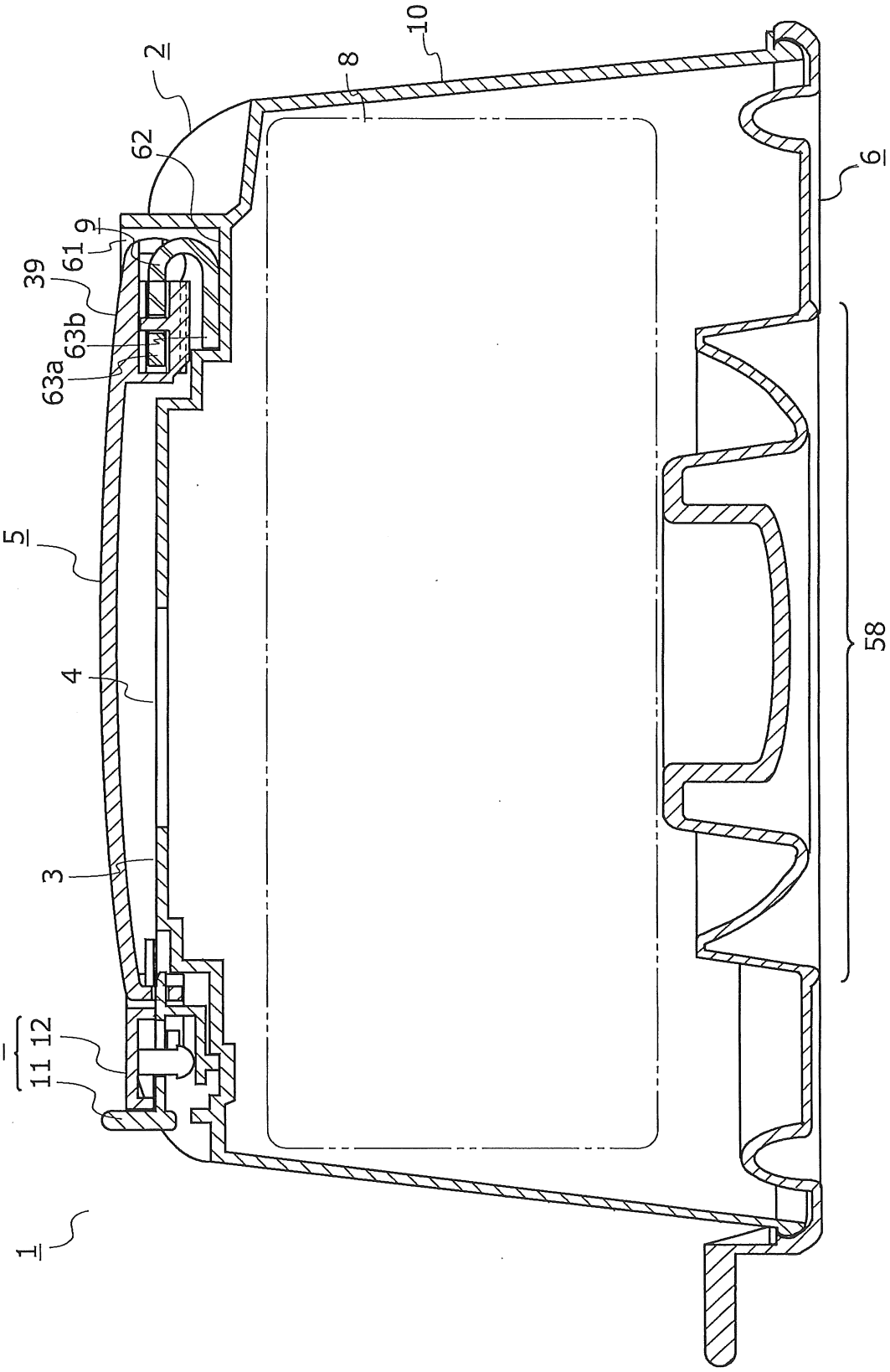

FIG. 3

FIG. 4

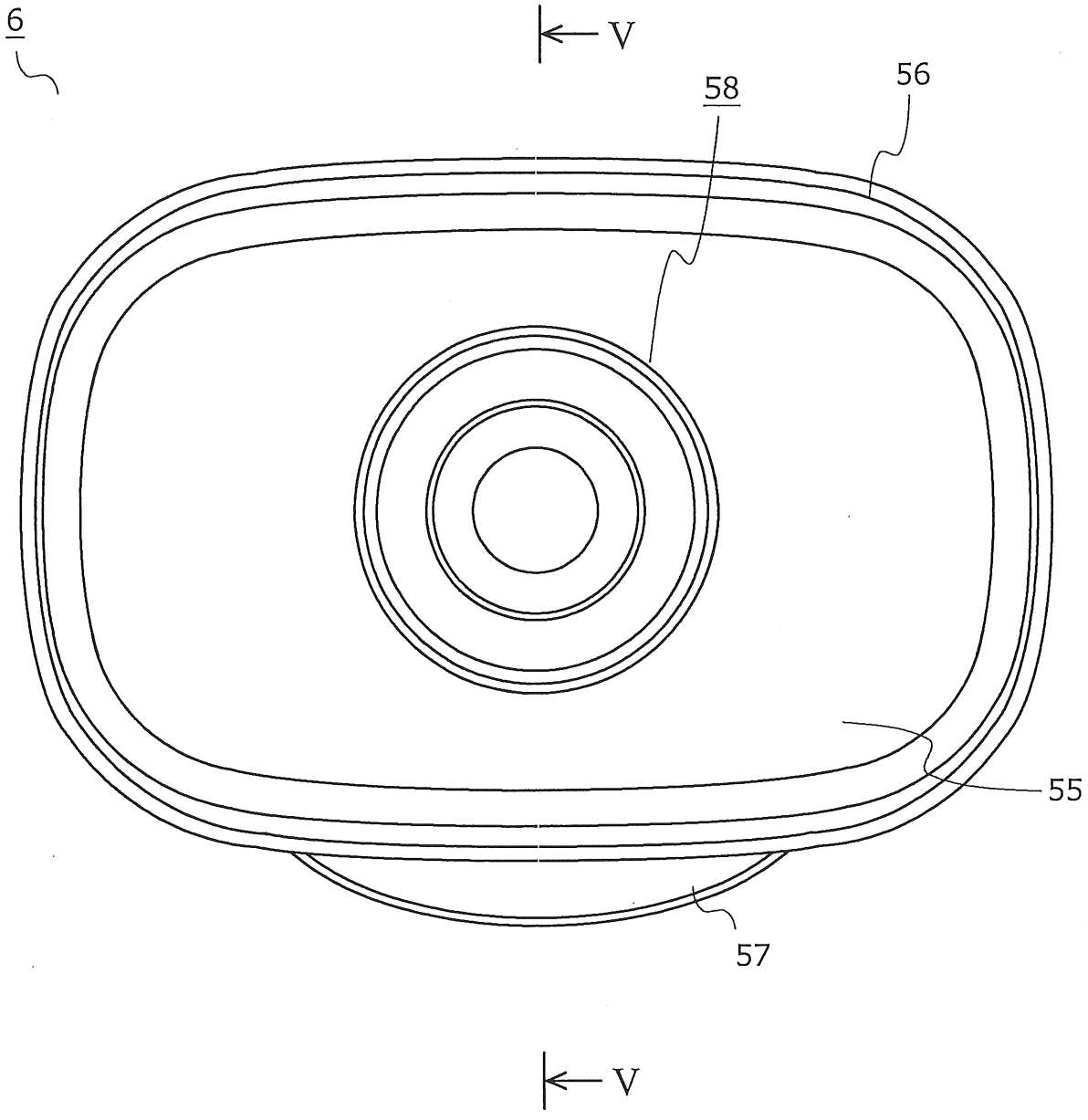

FIG. 5

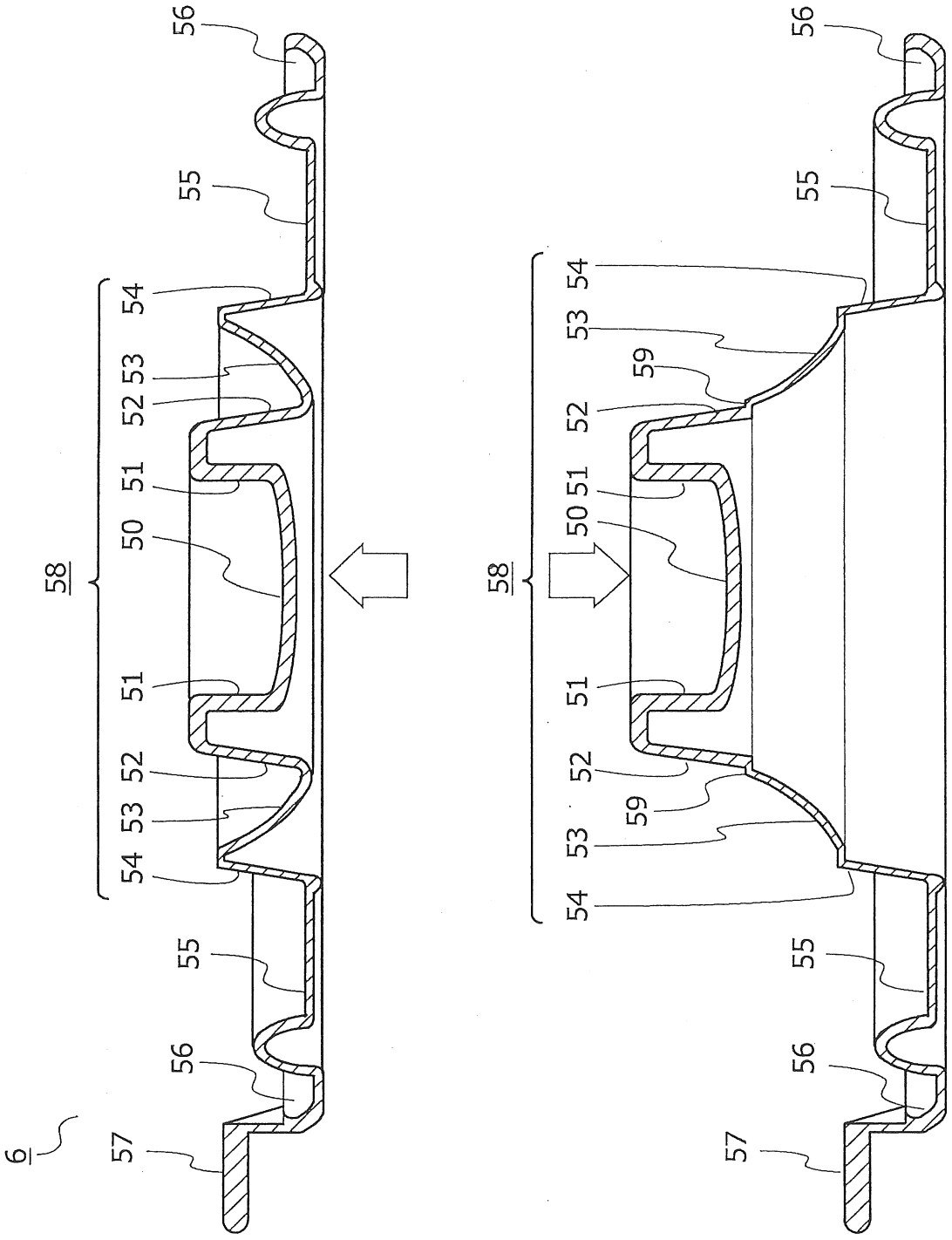
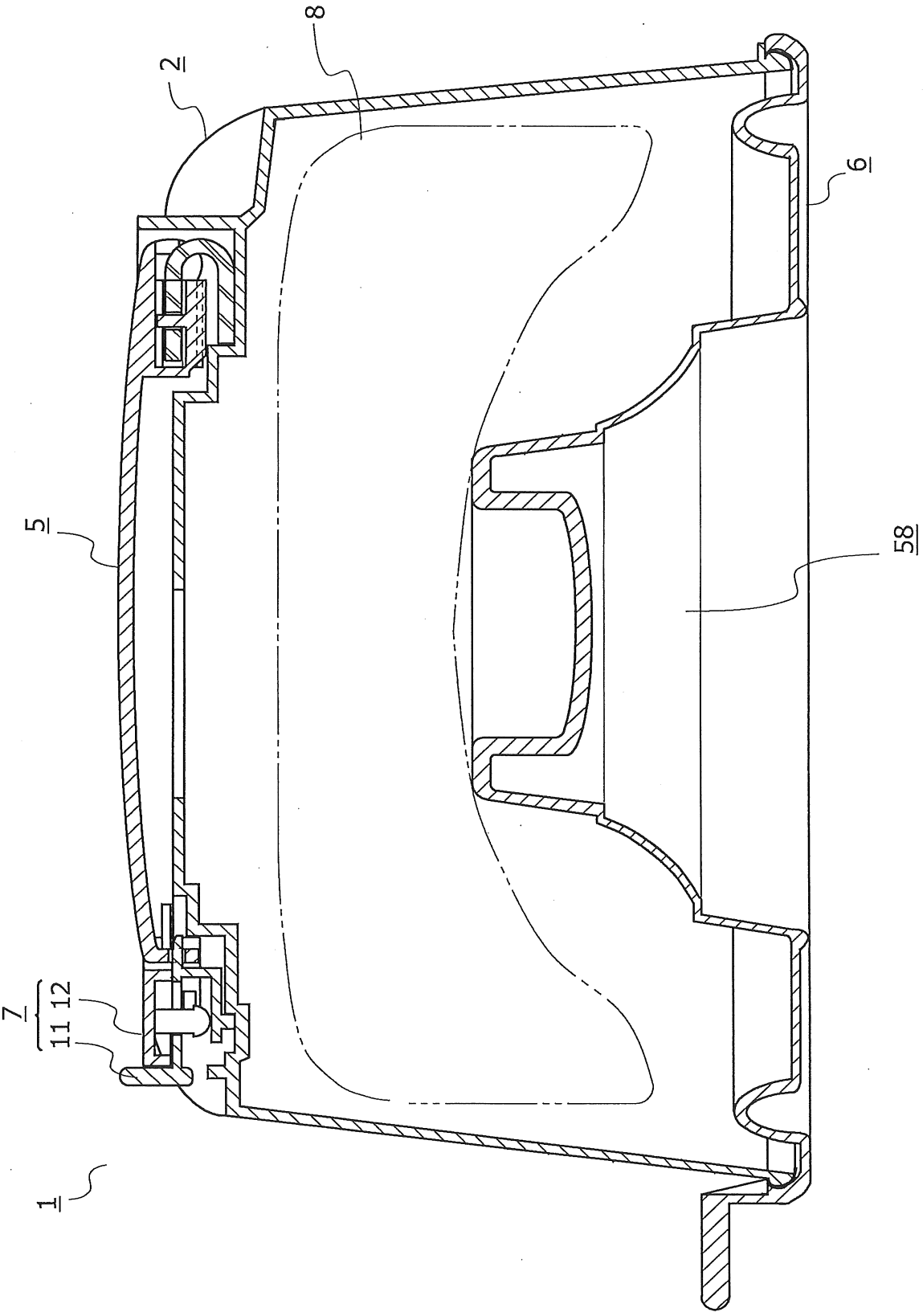
FIG. 6